|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****HUYỆN TÂN YÊN**

|  |
| --- |
| Đề gồm 02 trang |

 | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II****Năm học 2021-2022**[Môn: SINH HỌC 9](https://thuvienhoclieu.com/tai-lieu-sinh-hoc/tai-lieu-sinh-hoc-9/)***Thời gian làm bài: 45 phút,******không kể giao đề*** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM** *(5 điểm)*

**Câu 1:** Cây lá lốt là cây thân thảo mọc hoang ở những nơi râm mát, dưới bóng cây khác. Cây lá lốt thuộc nhóm thực vật

A. ưa ẩm. B. chịu hạn. C. ưa khô. D. ưa sáng.

**Câu 2**: Khoảng giá trị xác định của một nhân tố sinh thái mà trong khoảng đó sinh vật có thể tồn tại và phát triển ổn định theo thời gian được gọi là

A. ổ sinh thái. B. giới hạn sinh thái. C. khoảng chống chịu. D. khoảng thuận lợi.

**Câu 3**: Quan hệ giữa nấm với tảo đơn bào trong địa y là biểu hiện quan hệ

A. cạnh tranh. B. hội sinh. C. kí sinh. D. cộng sinh.

**Câu 4**: Nhóm sinh vật nào dưới đây gồm toàn động vật hằng nhiệt?

A. Bồ câu, mèo, thỏ, dơi. B. Bồ câu, cá rô phi, cá chép, mèo.

C. Cá sấu, thỏ, ếch, dơi. D. Cá rô phi, cá chép, ếch, cá sấu.

**Câu 5**: Rừng mưa nhiệt đới là một

A. quần thể sinh vật. B. quần xã sinh vật. C. quần xã động vật. D. quần xã thực vật.

**Câu 6**: Mật độ của quần thể là

A. số lượng cá thể cao nhất ở một thời điểm xác định trong một đơn vị diện tích của quần thể.

B. khối lượng sinh vật thấp nhất ở một thời điểm xác định trong một đơn vị thể tích của quần thể.

C. số lượng cá thể trung bình của quần thể được xác định trong một khoảng thời gian xác định.

D. số lượng hay khối lượng sinh vật có trong một đơn vị diện tích hay thể tích của quần thể.

**Câu 7**: Độ đa dạng về loài của quần xã là

A. tỉ lệ % số địa điểm bắt gặp một loài trong tổng số địa điểm quan sát.

B. mật độ cá thể của từng loài trong quần xã.

C. mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã.

D. số loài đóng vai trò quan trọng trong quần xã.

**Câu 8**: Nhóm tuổi gồm các cá thể không còn khả năng ảnh hưởng tới sự phát triển của quần thể là

A. nhóm tuổi sau sinh sản. B. nhóm sinh sản và lao động.

C. nhóm tuổi trước sinh sản. D. nhóm tuổi sinh sản.

**Câu 9**: Trong quần xã, các sinh vật cùng loài có quan hệ với nhau theo kiểu

A. hội sinh và cạnh tranh. B. kí sinh, nửa kí sinh.

C. hỗ trợ và cạnh tranh. D. cộng sinh và cạnh tranh.

**Câu 10**: Tập hợp sinh vật nào sau đây được xem là quần thể sinh vật?

A. Tập hợp cây trong rừng Cúc Phương.

B. Tập hợp cây thông nhựa trên một quả đồi ở Côn Sơn.

C. Tập hợp các loài sâu trong rừng Tam Đảo.

 D. Tập hợp cá ở Hồ Tây.

**Câu 11**: Đặc trưng nào dưới đây **không** là đặc trưng của quần thể?

A. Thành phần nhóm tuổi. B. Mật độ. C. Tỉ lệ giới tính. D. Thành phần loài.

**Câu 12**: Môi trường sống của sán lá gan là

A. Trong lòng đất. B. nước. C. sinh vật. D. trên cạn

**Câu 13**: Một quần thể chim sẻ có số lượng cá thể ở các nhóm tuổi như sau:

* + Nhóm tuổi trước sinh sản: 53 con/ha.
	+ Nhóm tuổi sinh sản: 29 con/ha.
	+ Nhóm tuổi sau sinh sản: 17 con/ha.

Xét về mặt lý thuyết, biểu đồ tháp tuổi của quần thể chim sẻ này đang ở dạng

A. giảm sút. B. ổn định. C. chuyển tiếp. D. phát triển.

**Câu 14**: Khảo sát khả năng chịu nhiệt của 3 loài sinh vật A,B,C người ta ghi được số liệu sau đây;

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên loài** | **Nhiệt độ giới hạn dưới** | **Nhiệt độ giới hạn trên** | **Nhiệt độ cực thuận** |
| A | 20C | 160C | 90C |
| B | 20C | 340C | 180C |
| C | 200C | 340C | 270C |

Có bao nhiêu nhận xét là đúng khi nói về khả năng chịu nhiệt của 3 loài A,B,C trong bảng trên?

I. Loài C có giới hạn chịu nhiệt rộng nhất.

II. Loài B có khả năng phân bố rộng hơn loài A và loài C.

III. Ở 180 C, loài B có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt nhất.

 IV. Từ 20 C đến 340C là giới hạn chịu đựng về nhiệt độ của loài C

A. 4. B. 2. C. 3. D. 1.

**Câu 15**: Cho chuỗi thức ăn: Tảo lục đơn bào → Tôm → Cá rô → Chim bói cá. Khi nói về chuỗi thức ăn này, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Quan hệ sinh thái giữa tất cả các loài trong chuỗi thức ăn này đều là quan hệ cạnh tranh.

II. Quan hệ dinh dưỡng giữa cá rô và chim bói cá dẫn đến hiện tượng khống chế sinh học.

III. Tôm, cá rô và chim bói cá thuộc các bậc dinh dưỡng khác nhau.

IV.Sự tăng, giảm số lượng tôm sẽ ảnh hưởng đến sự tăng, giảm số lượng Cá rô.

A. 3. B. 2. C. 1. D. 4.

**Câu 16**: Một số biểu hiện của hiện tượng thoái hóa giống ở động vật là

A. năng suất thu hoạch luôn tăng lên. B. con lai sinh trưởng mạnh hơn bố mẹ.

C. con lai có sức sống cao hơn bố mẹ. D. con lai có sức sống kém dần.

**Câu 17:** Trong phương pháp tạo ưu thế lai ở cây trồng, thế hệ F1 phần lớn thu được các cây có kiểu gen

A. đồng hợp. B. đồng hợp lặn. C. dị hợp. D. đồng hợp trội.

**Câu 18:** Giao phối gần không dẫn đến hiện tượng

A. Tăng thể đồng hợp. B. thoái hóa giống. C. ưu thế lai. D. giảm thể dị hợp.

**Câu 19:** Xét về lý thuyết, phép lai nào sau đây có thể tạo ưu thế lai cao nhất ở đời con là

A. AABB x AABB. B. AAbb x aaBB. C. aaBB x aaBB. D. Aabb x Aabb.

**Câu 20**: Ở một quần thể thực vật, thế hệ xuất phát P có tỉ lệ kiểu gen Aa là 100%, trải qua 2 thế hệ tự thụ phấn liên tiếp, tỉ lệ kiểu gen Aa ở thế hệ thứ 2 (F2) là

A.50%. B. 25%. C. 75%. D. 12,5%.

**II. PHẦN TỰ LUẬN *(5 điểm****)*

**Câu 1 *(2,0 điểm)***

**a.** Môi trường sống của sinh vật là gì? Có mấy loại môi trường sống?

**b.** Chuột sống trong rừng mưa nhiệt đới có thể chịu ảnh hưởng của các nhân tố sau:

Mức độ ngập nước, kiến, độ dốc của đất, nhiệt độ không khí, ánh sáng, thảm lá khô, rắn hổ mang, cây cỏ, sâu ăn lá, chim ăn sâu. Hãy sắp xếp các nhân tố đó vào từng nhóm nhân tố cho phù hợp.

**Câu 2 (3,0 điểm)**

**a**. Thế nào là quần thể sinh vật? Tập hợp các cá thể cá chép sống trong một ao nước ngọt có được coi là quần thể sinh vật không? Vì sao?

**b.** Thế nào là mật độ quần thể? Vì sao nói mật độ quần thể được coi là một trong những đặc trưng cơ bản của quần thể?

**c.** Cho chuỗi thức ăn trong một hệ sinh thái như sau: Lúa → Sâu ăn lúa → Chim ăn sâu → Đại bàng.

+ Chim ăn sâu là sinh vật tiêu thụ bậc 2. Đúng hay sai? Giải thích.

+ Đại bàng là động vật ăn thịt bậc 2. Đúng hay sai? Giải thích.

 HẾT

*(Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm)*

**ĐÁP ÁN**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

Mỗi câu đúng cho 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **Đ/a** | A | B | D | A | B | D | C | A | C | B |
| **Câu** | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| **Đ/a** | D | C | D | B | A | D | C | C | B | B |

**B. PHẦM TỰ LUẬN (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 1.1 | - Môi trường sống của sinh vật bao gồm tất cả những gì bao quanh sinh vật | 0,5 |
| - Có 4 loại môi trường sống: Môi trường mặt đất – không khí; môi trường nước; môi trường trong đất; môi trường sinh vật | 0,5 |
| 1.2 | - Nhóm nhân tố sinh thái vô sinh (không sống): mức độ ngập nước, độ dốc của đất, nhiệt độ không khí, ánh sáng, thảm lá khô. | 0,5 |
| - Nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh (sống): kiến, rắn hổ mang, cây cỏ, sâu ăn lá, chim ăn sâu. | 0,5 |
| 2.1 | - Quần thể sinh vật là tập hợp các cá thể cùng loài, sinh sống trong một khoảng không gian nhất định, ở một thời điểm xác định, những cá thể có khả năng sinh sản tạo thành thế hệ mới. | 0,5 |
| - Có | 0,25 |
| - Vì tập hợp các cá thể cùng loài, cùng sinh sống,.. | 0,25 |
| 2.2 | - Mật độ quần thể: là số lượng hay khối lượng sinh vật có trong một đơn vị diện tích hay thể tích. | 0,5 |
| - Mật độ được coi là một trong những đặc trưng cơ bản của quần thể vì mật độ cá thể ảnh hưởng tới mức độ sử dụng nguồn sống, mức sinh sản và tử vong của quần thể. | 0,5 |
| 2.3.a | - Đúng.  | 0,25 |
| - Vì chim ăn sâu ăn sâu, mà sâu là SVTT bậc 1. | 0,25 |
| 2.3.b | - Đúng | 0,25 |
| -Vì chim đại bàng ăn chim ăn sâu, mà chim ăn sâu là ĐV ăn thịt bậc 1. | 0,25 |

----------------------------Hết--------------------------